

PHẦN 1: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

CHUYÊN ĐỀ 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG - Nguyễn Dữ -

Vấn đề 1: Khái quát những hiểu biết về tác giả, nguồn gốc xuất xứ văn bản và thể loại

I. Tác phẩm

1. Tác giả Nguyễn Dữ

- Là gương mặt nổi bật của văn học VN thế kỉ XVI
- Quê ở Hải Dương, chưa rõ năm sinh, năm mất, là học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- Sống trong cảnh chế độ phong kiến mục nát, “đông bão nổi trăm miền”, xã hội là cái “vực thẳm đời nhân loại” chỉ thấy “bóng tối đùn ra trận gió đen”, nên sau khi đỗ hương cống, Nguyễn Dữ chỉ làm quan một năm rồi lui về ở ẩn. Đó là hình thức bày tỏ thái độ chán nản trước thời cuộc của một trí thức tâm huyết nhưng sinh ra không gặp thời.

2. Tác phẩm “Truyện kì mạn lục”

a. Thể loại

Truyện kì là thể văn xuôi trung đại, phản ánh các yếu tố kì lạ, hoang đường, trong truyện thể giới cõi âm và con người có sự tương giao với nhau.

b. Truyện kì mạn lục

- Truyện kì mạn lục của Nguyễn Dữ (chi chép tản mạn những điều kì lạ được lưu truyền) được viết bằng chữ Hán ra đời vào nửa đầu thế kỷ XVI, tập truyện được khai thác từ các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam từ các thời kì Lí, Trần, Hồ, Lê Sơ...

- Nội dung chính: Lấy xưa nói nay, lấy ảo để nói thực, lấy âm để nói dương, nhằm phơi bày, vạch trần phê phán hiện thực xã hội

- Nhân vật:

+ Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát sống cuộc sống yên bình, hạnh phúc, nhưng lại bị những thế lực tàn bạo và lễ giáo phong kiến nghiệt ngã đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, bi thương, bất hạnh vì oan khuất.

+ Hoặc một kiểu nhân vật khác, những trí thức tâm huyết với cuộc đời nhưng bất mãn với thời cuộc, không chịu trói mình trong vòng danh lợi, sống ẩn dật để giữ được cốt cách thanh cao.

- **Nhan đề: truyện kì mạn lục:** lục là ghi chép, mạn là tản mạn, kì là kì ảo, truyện là lưu truyền. Như vậy có nghĩa là ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền.

c. Tác phẩm “chuyện người con gái Nam Xương”

- “Chuyện người con gái Nam Xương” là truyện thứ 16, có nguồn gốc từ một truyện cổ tích Việt Nam có tên là “Vợ chàng Trương”.

- So với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, “Chuyện người con gái Nam Xương” phức tạp hơn về tình tiết và sâu sắc hơn về cảm hứng nhân văn

3. Tóm tắt văn bản

“Chuyện người con gái Nam Xương” viết về một cuộc đời, một số phận đầy oan khuất của một thiếu phụ tên là Vũ Thị Thiết. Đó là người con gái thùy mị, nét na, đức hạnh và xinh đẹp. Lấy chồng là Trương Sinh chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính, nàng ở nhà phụng dưỡng mẹ già và nuôi con nhỏ. Để dỗ con, tối tối, nàng thường chỉ bóng mình trên tường mà bảo đó là cha nó. Khi Trương Sinh về, lúc đó mẹ già đã mất, đưa con bấy giờ đang tập nói, ngây thơ kể với chàng về người đêm đêm vẫn đến nhà chàng. Sẵn có tính hay ghen, nay thêm hiểu lầm, Trương Sinh mắng nhiếc đuổi vợ đi. Phẫn uất, Vũ Nương chạy ra bến Hoàng Giang tự vẫn và được Linh Phi cứu. Phan Lang là người cùng làng trong 1 lần chạy nạn đã bị đắm thuyền và được vợ vua Nam Hải là Linh Phi cứu. Để bày tỏ ơn cứu mạng ngày xưa nên đã bày tiệc tiếp đãi, lúc đó Phan Lang gặp Vũ Nương dưới thủy cung. Sau đó Vũ Nương nhờ Phan Lang đem chiếc hoa vàng về cho Trương Sinh và khi Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ thì đã muợn, chàng lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về thoát ần thoát hiện và biến mất.

II. Phân tích

1. Chi tiết cái bóng

a. Cách kể chuyện

- Cái bóng là một chi tiết đặc sắc, là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn so với truyện cổ tích.

- Cái bóng là đầu mối, điểm nút của câu chuyện. Thắt nút là nó, mà mở nút cũng là nó.

b. Góp phần thể hiện tính cách nhân vật

- Đối với Vũ Nương: Trong những ngày chồng đi xa, vì thương nhớ chồng, vì không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng người cha nên hàng đêm, Vũ Nương đã chỉ bóng mình lên tường nói dối con đó là cha, lời nói dối đó hoàn toàn mục đích tốt đẹp -> **thể hiện sự thương yêu chồng con hết mực**

- Đối với bé Đản: Mới ba tuổi còn ngây thơ, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin những điều Vũ Nương nói là có một người cha đêm nào cũng đến, mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng nín thin thít và không bao giờ bé nó -> **sự ngây thơ hồn nhiên của bé Đản.**

- Đối với Trương Sinh: Lời nói ngây thơ của bé Đản về người cha khác (chính là cái bóng) đã làm nảy sinh sự nghi ngờ vợ không thủy chung, nảy sinh thái độ ghen tuông và lấy đó làm bằng chứng mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi, đẩy Vũ Nương vào bi kịch đó là cái chết -> **sự hồ đồ, đa nghi của Trương Sinh cũng là biểu hiện của chế độ phong kiến mục nát đẩy số phận người phụ nữ vào bi kịch cái chết.**

2. Nhân vật Vũ Nương

2.1. Về đẹp phẩm chất

Mở đầu tác phẩm, tác giả đã có lời giới thiệu bao quát về Vũ Nương “Tính đã thùy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp” tạo ấn tượng về một chân dung phụ nữ hoàn hảo. Sau đó ông đi sâu miêu tả về đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật trong các mối quan hệ khác nhau, trong các tình huống khác nhau.

*** Trước hết Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, son sắc trong tình nghĩa vợ chồng**

- **Trong cuộc sống vợ chồng**, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Nàng luôn giữ cho tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui. Nàng là một người vợ hiền thực, khôn khéo, nét na đúng mực!

- Hạnh phúc êm ấm tưởng bền lâu, không ngờ đất nước xảy ra binh biến, Trương Sinh phải đầu quân ra trận ở biên ải xa xôi. Buổi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Ước mong của nàng thật bình dị, lời lẽ dịu dàng ấy, chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phú phiếm. Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng: “Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.”

-> **Một người vợ rất mực thủy mì, dịu dàng, biết chịu đựng, giàu lòng yêu thương, biết chờ đợi để yên lòng người đi xa.**

- **Khi xa chồng**, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thổn thức “Giữ trọn tâm lòng thủy chung, son sắt”, “*tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót*”. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng “*Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bẽ chân trời không thể nào ngăn được*”. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vô vớ. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

"... Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong..."

-> **Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tâm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.**

- **Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ**: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả thân phận và tấm lòng của mình để thuyết phục chồng “Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu.....cách biệt ba năm giữ gìn một tiết.....” Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

- Rồi những năm tháng sống ở chốn thủy cung nàng vẫn không nguôi nỗi thương nhớ chồng con.

Vừa gặp lại Phan Lang, nghe Lang kể về tình cảnh gia đình nàng đã ứa nước mắt xót thương. Mặc dù đã nặng lời thề sống chết với Linh Phi nhưng nàng vẫn tìm cách trở về với chồng con trong giây lát để nói lời đa tạ tấm lòng chồng. Rõ ràng trong trái tim người phụ nữ ấy, không gọn chút thù hận, chỉ có sự yêu thương và lòng vị tha.

*** Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo với mẹ chồng.**

- **GV: Trong ba năm** chồng đi chiến trận, một mình nàng vừa làm con vừa làm cha vừa làm mẹ để chăm sóc phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ.

- Nàng là một cô con dâu hiếu thảo. Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vui bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hết như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết người mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâu “Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ”.

*** Vũ Nương một người mẹ hiền đầy tình yêu thương con.**

- Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chệnh mảng việc con cái. Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ: để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha. Bởi vậy đây cũng chính là một trong những nguyên nhân mà khiến Vũ Nương lâm vào bi kịch.

*** Vũ Nương là người phụ nữ giàu lòng tự trọng, lòng vị tha và rất coi trọng tình nghĩa.**

-**Đối với chồng:** Khi bị nghi oan là thất tiết, mới đầu nàng đã dùng những lời lẽ hết sức tha thiết để biện bạch cho chính bản thân mình “*Thiếp vốn là con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lựa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót*”.... Mặc dù đã tha thiết biện bạch và hàng xóm khuyên ngăn nhưng Trương Sinh vẫn một mực không tin, bởi vậy để chứng minh cho sự chung thủy của mình nàng đã ra sông Hoàng Giang tự vẫn.

-Đối với người làng là Phan Lang thì trọng tình nghĩa, đối với người cứu mình là Linh Phi giữ chữ tín

+Khi gặp Phan Lang ở dưới thủy cung đã nhận ra ngay đó là người quen biết, và nhờ Phan Lang đem chiếc hoa vàng, nói với Trương Sinh lập đàn giải oan để Vũ Nương trở về.

+Khi được Linh Phi cứu thì nàng đã quyết tâm ở lại thủy cung để đền đáp ân đức của người, mặc dù khi trở về giải oan xong nàng cũng không ở lại nhân gian vì lời hứa đối với Linh Phi.

=> ***Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.***

2.2. Số phận bất hạnh của Vũ Nương

*** Là nạn nhân của chế độ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do.**

- Cái thua thiệt đầu tiên làm nên bất hạnh của Vũ Nương là thua thiệt về vị thế. Cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh có phần không bình đẳng. Vũ Nương “vốn con kẻ khó” còn Trương Sinh lại là “con nhà giàu” đến độ khi muốn Sinh có thể xin mẹ trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương về. Sự cách bức giàu nghèo ấy khiến Vũ Nương mặc cảm và cũng là cái thế khiến Trương Sinh có thể đối xử thô bạo, gia trưởng với nàng.

*** Là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:**

- Nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm không chỉ là nạn nhân của chế độ phụ quyền phong kiến mà còn là nạn nhân của chiến tranh phong kiến, của cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn. Nàng lấy Trương Sinh, cuộc sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng kéo dài chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính để lại mình Vũ Nương với mẹ già và đứa con còn chưa ra đời. Suốt ba năm, nàng phải gánh vác trọng trách gia đình, thay chồng phụng dưỡng mẹ già, chăm sóc con thơ, phải sống trong nỗi nhớ chồng triền miên theo năm tháng.

- Chiến tranh đã làm xa cách, tạo điều kiện cho sự hiểu lầm trở thành nguyên nhân gây bất hạnh. Đó cũng là ngòi nổ cho thói hay ghen, đa nghi của Trương Sinh nảy nở, phát triển, dẫn đến cái chết oan uổng của Vũ Nương.

*** Đỉnh điểm của bi kịch là khi gia đình tan vỡ, bản thân phải tìm đến cái chết.**

- Là người vợ thủy chung nhưng nàng lại bị chồng nghi oan và đòi xử bất công, tàn nhẫn.

- Nghe lời ngây thơ của con trẻ Trương Sinh đã nghi oan cho vợ, mắng nhiếc, đánh đuổi nàng đi bắt chấp lời van xin khóc lóc của nàng và lời biện bạch của hàng xóm.

- Vũ Nương đau đớn vô cùng vì tiết giá của mình bị nghi kị, bôi bẩn bởi chính người chồng mà mình yêu thương.

- Bé tắc, Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan ức, thoát khỏi cuộc đời đầy đau khổ, oan nghiệt

2.3. Nguyên nhân dẫn đến bi kịch của Vũ Nương

a. Nguyên nhân trực tiếp

Do lời nói ngây thơ, hồn nhiên của bé Đản đã vô tình đẩy người mẹ vào cái chết.

b. Nguyên nhân gián tiếp

-Do Trương Sinh có tính hay ghen, đa nghi bảo thủ nên khi nghe lời của bé Đản đã vội vàng tin đó là sự thực mà chưa hỏi cho rõ đầu đuôi, ngay cả khi Vũ Nương biện bạch và hàng xóm khuyên ngăn.

-Do chế độ nam quyền độc đoán đã đẩy người phụ nữ vào một số phận bất hạnh.

-Do cuộc hôn nhân bất bình đẳng giữa Trương Sinh và Vũ Nương, một bên giàu còn một bên nghèo.

-Do chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã làm cho hai vợ chồng xa cách, từ đó đẩy Trương Sinh đến sự ghen tuông mù quáng.

2.4. Sự trở về của Vũ Nương

- Có thể coi đây là một kết thúc có hậu, thể hiện niềm mơ ước của tác giả về một kết thúc tốt lành cho người lương thiện, niềm khát khao một cuộc sống công bằng với cái thiện cái đẹp sẽ chiến thắng cái xấu, cái ác.

- Nhưng sâu xa, cái kết thúc ấy không hề làm giảm đi tính chất bi kịch của tác phẩm. Vũ Nương hiện về uy nghi, rực rỡ nhưng đó chỉ là sự hiển linh trong thoáng chốc, là ảo ảnh ngắn ngủi và xa xôi. Sau giây phút đó nàng vẫn phải về chốn làng mây cung nước, vợ chồng con cái vẫn âm dương đôi ngả. Hạnh phúc lớn nhất của VN là được sum họp bên chồng bên con cuối cùng vẫn không đạt được. Sự trở về trong thoáng chốc và lời từ biệt của nàng đã hé ra cái sự thực cay đắng là cái nhân gian đầy oan nghiệt, khổ đau này không có chốn dung thân cho người phụ nữ vì thế mà “Thiếp chẳng thể trở lại chốn nhân gian được nữa”